

PHỤ LỤC SỐ 02

Tổng hợp danh mục các Nghị quyết đăng ký trình HĐND tỉnh tại kỳ họp tháng 5 năm 2026 (Kèm theo Tờ trình số 53/TTr-UBND ngày 13 tháng 3 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Tên văn bản đăng ký	Sự cần thiết ban hành	Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng	Cơ quan chủ trì soạn thảo hoặc cơ quan trình	Cơ quan phối hợp (nếu có)	Thời hạn trình thông qua/ban hành	Ghi chú
I. LĨNH VỰC KHOA HỌC CÔNG NGHỆ: 01 Nghị quyết							
1	Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định về lập dự toán, một số nội dung chi thực hiện Chương trình quốc nâng cao năng suất chất lượng; hoạt động quản lý và chi thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cấp tỉnh và cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (xử lý Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 22/9/2023 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi và Nghị quyết số 101/2024/NQ-HĐND ngày 09/12/2024 của HĐND tỉnh Kon Tum; Nghị quyết 73/2021/NQ-HĐND ngày 14/12/2021 của HĐND tỉnh Kon Tum và Nghị quyết số 23/2022/NQ-HĐND ngày	<ul style="list-style-type: none">- Căn cứ Nghị định số 265/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;- Căn cứ Nghị định 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo;- Căn cứ Thông tư số 38/2025/TT-BKHHCN ngày 30/11/2025 của Bộ Khoa học	1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết Quy định về lập dự toán, một số nội dung chi hoạt động quản lý và chi thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cấp tỉnh và cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Các nội dung khác không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo quy định tại Thông tư số 38/2025/TT-	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tư pháp, Sở Nội Vụ, Sở Tài chính	Kỳ họp HĐND tỉnh tháng 5/2026	Theo trình tự, thủ tục rút gọn

	<p>30/9/2022 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi)</p>	<p>và Công nghệ quy định về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước đối với một số nội dung chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;</p> <p>- Căn cứ Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN ngày 30/11/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết và hướng dẫn lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán một số nội dung chi ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;</p> <p>Hiện nay, nội dung và mức chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi được thực hiện theo Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 22/9/2023 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi (cũ);</p> <p>Tại Khoản 3 Điều 2 Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN ngày 30/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định:</p> <p><i>“3. Căn cứ mức quy định tại Thông tư này, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là</i></p>	<p>BKHCN ngày 30/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN ngày 30/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.</p> <p>2. Đối tượng áp dụng:</p> <p>- Cơ quan quản lý chương trình, nhiệm vụ; cơ quan quản lý hoạt động hỗ trợ có sử dụng ngân sách;</p> <p>- Các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, ban hành chương trình, nhiệm vụ; cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoạt động hỗ trợ có sử dụng ngân sách nhà nước;</p> <p>- Các đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân</p>				
--	--------------------------------------------	-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--	--	--	--

		<p><i>Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) trình Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi tắt là Hội đồng nhân dân cấp tỉnh) quy định nội dung và mức chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý phù hợp với tình hình thực tiễn và khả năng và khả năng cân đối ngân sách địa phương tối đa không vượt quá định mức quy định tại Thông tư này”.</i></p> <p>Và tại khoản 3 Điều 3 Thông tư số 39/2025/TT-BKHHCN ngày 30/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định:</p> <p>“3. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều này, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) trình Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi tắt là Hội đồng nhân dân cấp tỉnh) quy định nội dung và mức chi thực hiện Chương trình, nhiệm vụ; hoạt động hỗ trợ có sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý phù hợp với tình hình thực tiễn và khả năng</p>	<p>thực hiện chương trình, nhiệm vụ; hoạt động hỗ trợ có sử dụng ngân sách nhà nước và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.</p> <p>- Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân hoạt động trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.</p>				
--	--	---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--	--	--	--

		<p><i>cân đối ngân sách địa phương, nhưng tối đa không vượt mức quy định tại Thông tư này.</i></p> <p>Căn cứ quy định nêu trên, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh cho chủ trương xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh <i>Quy định về lập dự toán, một số nội dung chi hoạt động quản lý và chi thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cấp tỉnh và cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi là cần thiết, đúng quy định.</i></p>					
II. LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO: 03 Nghị quyết							
2	<p>Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định mức hỗ trợ cho trẻ em, giáo viên và cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập ở địa bàn có khu công nghiệp, nơi có nhiều lao động trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (<i>xử lý Nghị quyết số 32/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi và Nghị quyết số 69/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh Kon Tum</i>)</p>	<p>Sau khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh (sáp nhập tỉnh Kon Tum vào tỉnh Quảng Ngãi), địa bàn tỉnh Quảng Ngãi hiện có hai chính sách song song điều chỉnh cùng đối tượng: Nghị quyết 32/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh áp dụng cho địa bàn tỉnh Quảng Ngãi cũ: chỉ hỗ trợ trẻ em mầm non và giáo viên mầm non (không hỗ trợ cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập); Nghị quyết 69/2021/NQ-HĐND ngày 14/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh áp dụng cho địa bàn tỉnh Kon Tum cũ: hỗ trợ cả ba đối tượng (cơ</p>	<p>1. Phạm vi điều chỉnh</p> <p>Nghị quyết này quy định mức hỗ trợ cho cơ sở giáo dục mầm non độc lập có nhóm trẻ/lớp mầm non từ 06 đến 36 tháng tuổi; giáo viên trực tiếp chăm sóc, giáo dục trẻ từ 06 đến 36 tháng tuổi ở cơ sở giáo dục mầm non độc lập và trẻ em từ 06 đến 36 tháng tuổi là</p>	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Tư pháp, Sở Tài chính, các sở, ngành có liên quan và UBND các xã, phường, đặc khu	Kỳ họp HĐND tỉnh tháng 5/2026	Theo trình tự, thủ tục rút gọn

		<p>sở giáo dục mầm non độc lập, dân lập, trẻ em mầm non và giáo viên mầm non). Việc duy trì hai chính sách song song dẫn đến bất cập về tính thống nhất, thiếu dữ liệu liên thông; trùng lặp hoặc bỏ sót chính sách; không đảm bảo công bằng và hiệu lực pháp lý. Do đó, cần thiết phải hợp nhất, điều chỉnh, cập nhật bổ sung ban hành một Nghị quyết mới của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi. Đáp ứng nhu cầu thực tiễn phát triển giáo dục mầm non ngoài công lập tại địa bàn có khu công nghiệp, nơi có nhiều lao động trên địa bàn tỉnh đảm bảo công bằng và hài hòa quyền lợi cho đối tượng thụ hưởng, phù hợp với điều kiện, đặc điểm phát triển kinh tế - xã hội và khả năng ngân sách của tỉnh. Vì vậy, việc xây dựng Nghị quyết quy định mức hỗ trợ cho trẻ em, giáo viên và cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập ở địa bàn có khu công nghiệp, nơi có nhiều lao động trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi phù hợp với thực tiễn, nhằm đảm bảo tính thống nhất của hệ thống pháp luật trong chính sách đối với giáo dục mầm non trên địa bàn toàn tỉnh, đáp ứng yêu cầu sắp xếp lại chính quyền địa phương cấp tỉnh, bảo đúng quy định của pháp luật. Thực hiện Quyết</p>	<p>con công nhân, người lao động ở cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập ở địa bàn có khu công nghiệp, nơi có nhiều lao động trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.</p> <p>2. Đối tượng áp dụng</p> <p>a) Cơ sở giáo dục mầm non độc lập có nhóm trẻ/lớp mầm non từ 06 đến 36 tháng tuổi ở địa bàn có khu công nghiệp, nơi có nhiều lao động có từ 02 nhóm trẻ 06 đến 36 tháng tuổi trở lên theo quy định, hoạt động ổn định; có tối thiểu 30% trẻ là con công nhân, người lao động tại khu công nghiệp, nơi có đông người lao động; có cam kết giữ trẻ ngoài giờ hành chính - tối thiểu 5 giờ/tuần.</p>				
--	--	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--	--	--	--

		<p>định số 1810/QĐ-UBND ngày 11/12/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về xử lý các văn bản quy phạm pháp luật của HĐND tỉnh, UBND tỉnh Quảng Ngãi (cũ) và HĐND tỉnh, UBND tỉnh Kon Tum (cũ) đã ban hành (được sửa đổi bổ sung tại Quyết định số 511/QĐ-UBND ngày 12/02/2026), trong đó giao Sở GDĐT tham mưu ban hành mới thay thế Nghị quyết số 32/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi và Nghị quyết số 69/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh Kon Tum. Căn cứ quy định nêu trên, Thường trực HĐND tỉnh cho chủ trương xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định mức hỗ trợ cho trẻ em, giáo viên và cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập ở địa bàn có khu công nghiệp, nơi có nhiều lao động trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi theo trình tự, thủ tục rút gọn là cần thiết, đúng quy định</p>	<p>b) Giáo viên mầm non trực tiếp chăm sóc, giáo dục trẻ từ 06 đến 36 tháng tuổi ở cơ sở giáo dục mầm non độc lập đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép thành lập và hoạt động theo quy định ở địa bàn có khu công nghiệp, nơi có nhiều lao động bảo đảm những điều kiện sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có trình độ chuẩn đào tạo chức danh giáo viên mầm non theo quy định; - Có hợp đồng lao động với người đại diện theo pháp luật của cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục; - Trực tiếp chăm sóc, giáo dục trẻ từ 06 đến 36 tháng tuổi tại nhóm trẻ/lớp mầm non có từ 				
--	--	----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--	--	--	--

			<p>30% trẻ em là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp.</p> <p>c) Trẻ em từ 06 đến 36 tháng tuổi đang học tại các cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép thành lập và hoạt động theo đúng quy định có cha hoặc mẹ hoặc người chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em là công nhân, người lao động đang làm việc tại các khu công nghiệp được doanh nghiệp ký hợp đồng lao động theo quy định.</p>				
3	<p>Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định nội dung và mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (xử lý Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày</p>	<p>Ngày 12/9/2022, Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi (cũ) ban hành Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND Quy định nội dung và mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi có một số</p>	<p>1. Phạm vi điều chỉnh:</p> <p>Quy định nội dung và mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-</p>	<p>Sở Giáo dục và Đào tạo</p>	<p>Sở Tư pháp, Sở Tài chính, các sở, ngành có liên quan và UBND các xã,</p>	<p>Kỳ họp HĐND tỉnh tháng 5/2026</p>	<p>Theo trình tự, thủ tục rút gọn</p>

	<p>12/9/2022 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi; Nghị quyết số 58/2022/NQ-HĐND 29/8/2022 của HĐND tỉnh Kon Tum; Nghị quyết số 97/2024/NQ-HĐND ngày 09/12/2024 của HĐND tỉnh Kon Tum)</p>	<p>nội dung và mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” chưa đồng nhất và phù hợp với quy định tại Nghị quyết số 58/2022/NQ-HĐND ngày 29/8/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum (cũ) Quy định nội dung, mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” trên địa bàn tỉnh Kon Tum và hỗ trợ người dân tham gia học xóa mù chữ trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Nghị quyết số 97/2024/NQ-HĐND ngày 09/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum (cũ) sửa đổi, bổ sung Điều 3 của Nghị quyết số 58/2022/NQ-HĐND ngày 29/8/2022 Quy định nội dung, mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” và hỗ trợ người dân tham gia học xóa mù chữ trên địa bàn tỉnh Kon Tum. Thực hiện Quyết định số 1810/QĐ-UBND ngày 11/12/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về xử lý các văn bản quy phạm pháp luật của HĐND tỉnh, UBND tỉnh Quảng Ngãi (cũ) và HĐND tỉnh, UBND tỉnh Kon Tum (cũ) đã ban hành (được sửa đổi bổ sung tại Quyết định số 511/QĐ-UBND ngày 12/02/2026) , trong đó giao Sở GDĐT tham</p>	<p>2030” trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.</p> <p>2. Đối tượng áp dụng:</p> <p>Các cơ sở giáo dục và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.</p>		<p>phường, đặc khu</p>		
--	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--	------------------------	--	--

		<p>mưu ban hành mới thay thế 03 nghị quyết: Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 12/9/2022 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi, Nghị quyết số 58/2022/NQ-HĐND ngày 29/8/2022 của HĐND tỉnh Kon Tum (cũ), Nghị quyết số 97/2024/NQ-HĐND ngày 09/12/2024 của HĐND tỉnh Kon Tum (cũ); Căn cứ quy định nêu trên, Thường trực HĐND tỉnh cho chủ trương xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định nội dung và mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi theo trình tự, thủ tục rút gọn là cần thiết, đúng quy định.</p>					
4	<p>Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định chính sách hỗ trợ lưu học sinh Lào, Campuchia theo Chương trình hợp tác giữa các tỉnh của nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào, Vương quốc Campuchia và tỉnh Quảng Ngãi (<i>xử lý Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND ngày 19/3/2025 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi</i>)</p>	<p>Công tác hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực giữa tỉnh Quảng Ngãi và các tỉnh nước CHDCND Lào, Vương quốc Campuchia đã đạt được nhiều kết quả tốt đẹp với số lượng và chất lượng ngày càng được nâng cao; góp phần hỗ trợ các tỉnh bạn xây dựng, phát triển đội ngũ cán bộ, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực trong tình hình mới. Đồng thời, góp phần tăng cường, thúc đẩy mối quan hệ hữu nghị và hợp tác toàn diện giữa ba nước Việt Nam - Lào - Campuchia nói chung, giữa tỉnh Quảng Ngãi</p>	<p>1. Phạm vi điều chỉnh</p> <p>Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ lưu học sinh và cán bộ dân chủ nhân dân Lào, Vương quốc Campuchia (sau đây viết tắt là lưu học sinh Lào, Campuchia) sang Việt Nam</p>	<p>Sở Giáo dục và Đào tạo</p>	<p>Sở Tư pháp, Sở Tài chính, các cơ sở giáo dục, đại học nghề nghiệp; các sở, ngành có liên quan và UBND các xã, phường, đặc khu</p>	<p>Kỳ họp HĐND tỉnh tháng 5/2026</p>	<p>Theo trình tự, thủ tục rút gọn</p>

		<p>và các tỉnh của Lào, Campuchia nói riêng. Ngày 19/3/2025, Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi (cũ) ban hành Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND Quy định một số chính sách hỗ trợ lưu học sinh Lào theo Chương trình hợp tác giữa các tỉnh của nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và tỉnh Quảng Ngãi. Đến nay, Nghị quyết này vẫn còn hiệu lực và là cơ sở pháp lý hiệu quả để thực hiện các chính sách hỗ trợ lưu học sinh Lào trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (cũ). Trong khi đó, trên địa bàn tỉnh Kon Tum (cũ) có học sinh, sinh viên Lào, Campuchia nhưng Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum (cũ) chưa có quy định chính sách hỗ trợ đối với học sinh, sinh viên này.</p> <p>Thực hiện Quyết định số 1810/QĐ-UBND ngày 11/12/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về xử lý các văn bản quy phạm pháp luật của HĐND tỉnh, UBND tỉnh Quảng Ngãi (cũ) và HĐND tỉnh, UBND tỉnh Kon Tum (cũ) đã ban hành (được sửa đổi bổ sung tại Quyết định số 511/QĐ-UBND ngày 12/02/2026), trong đó giao Sở GDĐT tham mưu ban hành mới thay thế Nghị quyết số số 09/2025/NQ-</p>	<p>học tập tại tỉnh Quảng Ngãi theo Chương trình hợp tác giữa các tỉnh của nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào, Vương quốc Campuchia và tỉnh Quảng Ngãi.</p> <p>2. Đối tượng áp dụng</p> <p>a) Lưu học sinh Lào, Campuchia sang Việt Nam học tập tại tỉnh Quảng Ngãi theo các hệ đào tạo dài hạn có thời gian đào tạo từ 12 tháng trở lên như cao đẳng, đại học và khoá bồi dưỡng Tiếng Việt để thi tuyển, xét tuyển vào các hệ này.</p> <p>b) Lưu học sinh Lào, Campuchia sang Việt Nam học tập tại tỉnh Quảng Ngãi theo hệ đào tạo ngắn hạn có thời gian đào tạo dưới 12</p>				
--	--	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--	--	--	--

		HĐND ngày 19/3/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi (cũ). Căn cứ quy định nêu trên, Thường trực HĐND tỉnh cho chủ trương xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định chính sách hỗ trợ lưu học sinh Lào, Campuchia theo Chương trình hợp tác giữa các tỉnh của nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào, Vương quốc Campuchia và tỉnh Quảng Ngãi theo trình tự, thủ tục rút gọn là cần thiết, đúng quy định	tháng như các khoá tập huấn, bồi dưỡng. c) Các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp (viết tắt là cơ sở đào tạo) và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.				
III. LĨNH VỰC Y TẾ: 02 Nghị quyết							
5	Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định mức trợ giúp xã hội, đối tượng khó khăn khác chưa quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP được hưởng chính sách trợ giúp xã hội, mức chi phí chi trả chính sách trợ giúp xã hội hàng tháng, hưu trí xã hội hàng tháng, hỗ trợ tiền ăn cho trẻ em khuyết tật thuộc gia đình hộ nghèo và hộ cận nghèo tại các cơ sở bảo trợ xã hội ngoài công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (<i>xử lý Nghị quyết số 68/2021/NQ-HĐND ngày 14/12/2021 của HĐND tỉnh Kon Tum; Nghị quyết số</i>	1. Cơ sở pháp lý - Tại điểm d khoản 1 Điều 15 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH 15 ngày 16/6/2025 quy định: “ <i>Ban hành Nghị quyết về những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân cấp mình; bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung văn bản do mình ban hành khi xét thấy không còn phù hợp hoặc trái pháp luật</i> ”. - Điểm b Khoản 1 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 64/2025/QH15 ngày 19/02/2025, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15 ngày 25/6/2025 quy định: “1. Hội	1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định mức trợ giúp xã hội, đối tượng khó khăn khác chưa quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP được hưởng chính sách trợ giúp xã hội, mức chi phí chi trả chính sách trợ giúp xã hội hàng tháng, hưu trí xã hội hàng tháng, hỗ trợ tiền ăn cho trẻ em khuyết tật thuộc gia đình hộ	Sở Y tế	Sở Tư pháp, Sở Tài chính	Kỳ họp HĐND tỉnh tháng 5/2026	- Tờ trình số 549/TTr-SYT ngày 28/02/2026 - Thực hiện theo trình tự, thủ tục rút gọn

<p>59/2024/NQ-HĐND ngày 26/9/2024 của HĐND tỉnh Kon Tum và Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi)</p>	<p><i>đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định: ...</i></p> <p><i>b) Chính sách, biện pháp nhằm bảo đảm thi hành Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên”.</i></p> <p>- Căn cứ điểm b, khoản 3, Điều 4 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ ban hành quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; quy định: “3. <i>Tùy thuộc điều kiện kinh tế - xã hội tại địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định: b) Đối tượng khó khăn khác chưa quy định tại Nghị định này được hưởng chính sách trợ giúp xã hội”.</i></p> <p>- Căn cứ Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;</p> <p>- Căn cứ Nghị định số 176/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ ban hành quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của</p>	<p>nghèo và hộ cận nghèo tại các cơ sở bảo trợ xã hội ngoài công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi</p> <p>2. Đối tượng áp dụng:</p> <p>a) Các đối tượng khó khăn khác trên địa bàn tỉnh được quy định tại Nghị quyết</p> <p>b) Tổ chức, cá nhân thực hiện chi trả trợ giúp xã hội cho các đối tượng bảo trợ xã hội và đối tượng hưu trí xã hội</p> <p>c) Trẻ em khuyết tật thuộc gia đình hộ nghèo và hộ cận nghèo;</p> <p>d) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức thực hiện chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội, đối tượng hưu trí xã hội và các cơ quan, tổ</p>				
----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--	--	--	--

		<p>Luật Bảo hiểm xã hội về trợ cấp hưu trí xã hội;</p> <p>- Căn cứ Thông tư số 50/2024/TT-BTC ngày 17/7/2024 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2021/TT-BTC ngày 15/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn khoản 1 và khoản 2 Điều 31 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; theo đó, khoản 2 Điều 1 của Thông tư quy định: <i>“Trường hợp thực hiện chi trả trợ giúp xã hội cho các đối tượng bảo trợ xã hội thông qua tổ chức dịch vụ chi trả: Mức chi phí chi trả được xác định theo tỷ lệ % trên tổng số tiền chi trả cho các đối tượng bảo trợ xã hội do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định tùy theo điều kiện địa bàn và thực tế số lượng đối tượng bảo trợ xã hội của từng địa phương”</i>;</p> <p>- Căn cứ Nghị định số 147/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ Quy định về thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Y tế.</p> <p>2. Cơ sở thực tiễn</p>	<p>chức, cá nhân khác có liên quan</p>				
--	--	---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	----------------------------------------	--	--	--	--

		<p>Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum (cũ) đã ban hành Nghị quyết số 68/2021/NQ-HĐND ngày 14/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội, đối tượng khó khăn khác chưa quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP được hưởng chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Nghị quyết số 59/2024/NQ-HĐND ngày 26/9/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số điều của Nghị quyết số 68/2021/NQ-HĐND ngày 14/12/2021 của HĐND tỉnh Kon Tum quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, đối tượng khó khăn khác chưa quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP được hưởng chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Kon Tum. Đối với nhiệm vụ này, tỉnh Quảng Ngãi (cũ) chưa ban hành Nghị quyết quy phạm pháp luật; Ngoài ra, Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi (cũ) ban hành Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 Quy định về hỗ trợ tiền ăn cho trẻ em khuyết tật thuộc gia đình hộ nghèo và hộ cận nghèo tại các cơ sở bảo trợ xã hội ngoài công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Đối</p>					
--	--	----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--	--	--	--	--

		<p>với nhiệm vụ này, tỉnh Kon Tum (cũ) chưa ban hành Nghị quyết quy phạm pháp luật;</p> <p>- Thực hiện chi trả trợ giúp xã hội cho các đối tượng bảo trợ xã hội thông qua tổ chức dịch vụ chi trả: Mức chi phí chi trả được xác định theo tỷ lệ % trên tổng số tiền chi trả cho các đối tượng bảo trợ xã hội do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định tùy theo điều kiện địa bàn và thực tế số lượng đối tượng bảo trợ xã hội của từng địa phương; Đối với nhiệm vụ này, tỉnh Kon Tum (cũ) và tỉnh Quảng Ngãi (cũ) chưa ban hành Nghị quyết quy phạm pháp luật; Mặt khác, tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 176/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 Chính phủ ban hành quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về trợ cấp hưu trí xã hội quy định: Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách trợ cấp hưu trí xã hội thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội. Do đó, cần thiết bổ sung quy định nhóm đối tượng hưu trí xã hội khi thực hiện chi trả trợ giúp xã hội đối với đối</p>					
--	--	----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--	--	--	--	--

		<p>tượng hưu trí xã hội qua tổ chức dịch vụ chi trả trên địa bàn tỉnh. Căn cứ điểm b, khoản 2, Công văn số 3676/BYT-BTXH ngày 12/6/2025 của Bộ Y tế quy định “<i>Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức chi trả trợ cấp xã hội hằng tháng cho đối tượng bảo trợ xã hội từ ngày 01/7/2025; bố trí đầy đủ nhân lực, kinh phí, hạ tầng kỹ thuật phục vụ cho việc thực hiện nhiệm vụ này; kịp thời xử lý các trường hợp phát sinh vướng mắc, không làm gián đoạn, chậm trễ việc chi trả trợ cấp xã hội. Bảo đảm công tác chi trả chính sách trợ giúp xã hội được thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng đối tượng</i>”. Vì vậy, cần thiết bổ sung quy định cá nhân thực hiện chi trả trợ cấp xã hội hằng tháng cho đối tượng bảo trợ xã hội. Thực hiện các Nghị quyết của trung ương về sắp xếp đơn vị hành chính, gồm: số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 về sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh; số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025; số 1677/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Quảng Ngãi năm 2025; sau khi sáp nhập tỉnh Quảng Ngãi (cũ) và tỉnh Kon Tum (cũ) thành tỉnh Quảng Ngãi (mới)</p>					
--	--	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--	--	--	--	--

		<p>và kết thúc hoạt động đối với chính quyền cấp huyện, sắp xếp lại các đơn vị hành chính cấp xã, tỉnh Quảng Ngãi mới có 96 đơn vị hành chính cấp xã (gồm: 09 phường, 86 xã và 01 đặc khu). Nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và phù hợp với điều kiện mới sau sáp nhập, đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất, hiệu lực trong quản lý nhà nước lĩnh vực chính sách xã hội, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn ngân sách nhà nước, công bằng giữa các nhóm đối tượng trên cùng một địa bàn tỉnh mới, Sở Y tế kính trình UBND tỉnh trình Thường trực HĐND tỉnh thống nhất đăng ký xây dựng Nghị quyết quy định mức trợ giúp xã hội, đối tượng khó khăn khác chưa quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP được hưởng chính sách trợ giúp xã hội, mức chi phí chi trả chính sách trợ giúp xã hội hàng tháng, hưu trí xã hội hàng tháng, hỗ trợ tiền ăn cho trẻ em khuyết tật thuộc gia đình hộ nghèo và hộ cận nghèo tại các cơ sở bảo trợ xã hội ngoài công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (mới) theo trình tự, thủ tục rút gọn là hết sức cần thiết và phù hợp với quy định pháp luật và thực tiễn quản lý</p>					
--	--	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--	--	--	--	--

6	<p>Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định mức quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (xử lý Nghị quyết số 24/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi; Nghị quyết số 24/2019/NQ-HĐND ngày 18/7/2019 của HĐND tỉnh Kon Tum; Nghị quyết số 92/2022/NQ-HĐND ngày 12/12/2022 của HĐND tỉnh Kon Tum)</p>	<p>1. Cơ sở chính trị, pháp lý</p> <p>Trong những năm qua Đảng, Nhà nước và cả xã hội đặc biệt quan tâm đến công tác bảo vệ, chăm sóc và phát huy vai trò của người cao tuổi. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã chỉ rõ: <i>“Phát huy trí tuệ, kinh nghiệm sống, lao động, học tập của người cao tuổi trong xã hội, cộng đồng và gia đình”</i>. Tiếp tục xây dựng gia đình kiểu mẫu <i>“ông bà, cha mẹ mẫu mực, con cháu thảo hiền, vợ chồng hoà thuận, anh chị em đoàn kết, thương yêu nhau”</i>. Hiến pháp năm 2013 ghi rõ: <i>“người cao tuổi được Nhà nước, gia đình và xã hội tôn trọng, chăm sóc và phát huy vai trò trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”</i>; <i>“Nhà nước tạo bình đẳng về cơ hội để công dân thụ hưởng phúc lợi xã hội, phát triển hệ thống an sinh xã hội, có chính sách trợ giúp người cao tuổi, người khuyết tật, người nghèo và người có hoàn cảnh khó khăn khác”</i>. Luật Người cao tuổi năm 2009 đã quy định 05 nhóm chính sách đối với người cao tuổi bao gồm: Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi; Chăm sóc người cao tuổi trong hoạt động văn hóa, giáo dục, thể dục, thể thao, giải</p>	<p>1. Phạm vi điều chỉnh</p> <p>Nghị quyết này quy định về mức quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; nguyên tắc, nguồn kinh phí và tổ chức thực hiện hoạt động chúc thọ, mừng thọ theo quy định của Luật Người cao tuổi và các văn bản hướng dẫn thi hành.</p> <p>2. Đối tượng áp dụng</p> <p>a) Người cao tuổi cư trú trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, được tổ chức chúc thọ, mừng thọ ở tuổi 70, 75, 80, 85, 90, 95, 100 tuổi và thọ trên 100 tuổi.</p> <p>b) Cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan đến việc quản lý, tổ</p>	Sở Y tế	Sở Tư pháp; Sở Tài chính	Kỳ họp HĐND tỉnh tháng 5/2026	<p>- Tờ trình số 570/TTr-SYT ngày 02/03/2026</p> <p>- Thực hiện theo trình tự, thủ tục rút gọn</p>
---	----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	---------	--------------------------	-------------------------------	----------------------------------------------------------------------------------------------------

		<p>trí, du lịch, sử dụng công trình công cộng và tham gia giao thông công cộng; Bảo trợ xã hội đối với người cao tuổi; Chúc thọ, mừng thọ; Phát huy vai trò người cao tuổi.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025; - Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19/02/2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25/6/2025; - Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015; - Tại khoản 3 điều 21 Luật Người cao tuổi 2009 quy định: <i>“Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn phối hợp với Hội người cao tuổi tại địa phương, gia đình của người cao tuổi tổ chức mừng thọ người cao tuổi ở tuổi 70, 75, 80, 85, 90, 95 và 100 tuổi trở lên”;</i> - Tại điểm a khoản 3 điều 7 Nghị định số 06/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ quy định: <i>“Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức quà tặng của Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cho người thọ 100 tuổi, mức quà tặng của Chủ tịch Ủy ban</i> 	<p>chức và thực hiện công tác chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - UBND cấp xã, phường, đặc khu; - Hội Người cao tuổi tỉnh; - Hội Người cao tuổi các cấp; - Các cơ quan, tổ chức khác có liên quan. 				
--	--	-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--	--	--	--

		<p><i>nhân dân cấp tỉnh cho người thọ 90 tuổi và nội dung chi, mức chi tổ chức mừng thọ quy định tại khoản 3 Điều 21 Luật Người cao tuổi”;</i></p> <p>- Tại điểm b khoản 3 điều 7 Nghị định số 06/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ quy định: “<i>Căn cứ vào điều kiện cụ thể của địa phương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định mức quà tặng người thọ 70, 75, 80, 85, 95 tuổi và trên 100 tuổi</i>”.</p> <p>- Tại điểm a khoản 2 điều 3 Thông tư số 96/2018/TT-BTC ngày 14/01/2018 của Bộ Tài chính quy định: “<i>Căn cứ khả năng cân đối ngân sách địa phương và tình hình thực tế, Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có thể xem xét, quyết định mức chi cao hơn mức quy định tại Thông tư này; đồng thời xem xét, quyết định theo thẩm quyền mức quà tặng người cao tuổi ở tuổi 70, 75, 80, 85, 95 tuổi và trên 100 tuổi trên cơ sở đề xuất của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</i>”.</p> <p>2. Cơ sở thực tiễn</p> <p>Trong thời gian qua, việc tổ chức chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và Kon Tum trước sắp xếp đã được các cấp, các</p>					
--	--	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--	--	--	--	--

		<p>ngành và cộng đồng quan tâm thực hiện, góp phần tôn vinh, tri ân những đóng góp của người cao tuổi, động viên các cụ sống vui, sống khỏe, sống có ích, phát huy vai trò trong gia đình và xã hội, cụ thể tại các Nghị quyết sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết số 24/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi quy định mức quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (cũ). - Nghị quyết số 24/2019/NQ-HĐND ngày 18/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum quy định mức quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi trên địa bàn tỉnh Kon Tum (cũ). - Nghị quyết số 92/2022/NQ-HĐND ngày 12/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về sửa đổi, bổ sung Điều 2 Nghị quyết số 24/2019/NQ-HĐND quy định mức quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi trên địa bàn tỉnh Kon Tum (cũ). Như vậy, 02 tỉnh (Quảng Ngãi, Kon Tum) trước sáp nhập đều có ban hành Nghị quyết quy định mức quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi. Tuy nhiên, mức hỗ trợ chi chưa đồng nhất. Do đó, để đảm bảo 					
--	--	-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--	--	--	--	--

		<p> cơ sở pháp lý quy định mức quà tặng chúc thọ, mừng thọ cho người cao tuổi trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đảm bảo thực hiện thống nhất, đồng bộ, ưu việt hơn trên phạm vi toàn tỉnh Quảng Ngãi sau sắp xếp; đồng thời, tiếp tục góp phần tôn vinh, tri ân người cao tuổi, thể hiện đạo lý “kính lão trọng thọ” của dân tộc; động viên khích lệ tinh thần sống vui, sống khỏe, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống người cao tuổi; Tăng cường đoàn kết cộng đồng thông qua các buổi lễ mừng thọ, gắn kết các thế hệ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, việc xây dựng và ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi là hết sức cần thiết.</p>					
IV. LĨNH VỰC CÔNG THƯƠNG: 01 nghị quyết							
7	<p> Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định nội dung và mức hỗ trợ kinh phí thực hiện các hoạt động phát triển thị trường, xây dựng, quảng bá thương hiệu sản phẩm phát triển ngoại thương của tỉnh Quảng Ngãi (<i>xử lý Nghị quyết số 14/2022/NQ-HĐND ngày</i></p>	<p> Thực hiện chủ trương tại các Kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về tổ chức xây dựng mô hình chính quyền địa phương 02 cấp (cấp tỉnh, cấp xã); khoản 11 Điều 1 Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh: “<i>Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số</i></p>	<p> 1- Phạm vi điều chỉnh</p> <p> Nghị quyết này quy định nội dung và mức hỗ trợ kinh phí thực hiện các hoạt động phát triển thị trường, xây dựng, quảng bá thương hiệu sản</p>	<p> Sở Công thương</p>	<p> Các sở, ban ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu</p>	<p> Kỳ họp HĐND tỉnh tháng 5/2026</p>	<p> Theo trình tự thủ tục rút gọn</p>

	<p>07/7/2022 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi)</p>	<p>của tỉnh Kon Tum và tỉnh Quảng Ngãi thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh Quảng Ngãi...”, tỉnh Quảng Ngãi (mới) chính thức đi vào hoạt động kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025. Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi (mới) đã thống nhất cho phép áp dụng Nghị quyết số 14/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 Quy định nội dung và mức hỗ trợ kinh phí thực hiện các hoạt động phát triển thị trường, xây dựng, quảng bá thương hiệu sản phẩm phát triển ngoại thương của tỉnh Quảng Ngãi của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi (cũ) được tiếp tục thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (mới sau hợp nhất. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện, một số văn bản dẫn chiếu xây dựng Nghị quyết số 14/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh đã được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế. Đồng thời, thực hiện Kết luận số 137-KL/TW ngày 28 tháng 3 năm 2025 của Bộ Chính trị về Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp; Bên cạnh đó, nhằm đảm bảo hoàn thành việc xử lý các Nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh theo yêu cầu của Bộ</p>	<p>phẩm phát triển ngoại thương của tỉnh Quảng Ngãi (sau đây gọi tắt là Chương trình).</p> <p>2- Đối tượng áp dụng</p> <p>Áp dụng đối với các cơ quan chủ trì thực hiện các hoạt động phát triển thị trường, xây dựng, quảng bá thương hiệu sản phẩm phát triển ngoại thương của tỉnh Quảng Ngãi, cơ quan quản lý Chương trình, tổ chức, cá nhân liên quan sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình</p>				
--	--------------------------------------------	-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--	--	--	--

		<p>Tư pháp tại khoản 4 Công văn số 6243/BTPTVB&QLXLVPHC ngày 06 tháng 10 năm 2025: “Các địa phương hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế, ban hành mới các văn bản của địa phương chịu sự tác động của việc sắp xếp tổ chức bộ máy trước ngày 01 tháng 6 năm 2026” và Công văn số 44/HĐND-KTNS ngày 23/02/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc khẩn trương xử lý văn bản chỉ sự tác động của việc sắp xếp bộ máy, thì việc khẩn trương xây dựng Nghị quyết Quy định nội dung và mức hỗ trợ kinh phí thực hiện các hoạt động phát triển thị trường, xây dựng, quảng bá thương hiệu sản phẩm phát triển ngoại thương của tỉnh Quảng Ngãi thay thế Nghị quyết số 14/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh là cần thiết và phù hợp với quy định của pháp luật</p>						
V. LĨNH VỰC NỘI VỤ: 02 Nghị quyết								

8	<p>Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý được luân chuyển, điều động trên địa bàn tỉnh (<i>xử lý Nghị quyết số 12/2019/NQ-HĐND ngày 10/7/2019 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi; Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 15/3/2023 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi</i>)</p>	<p>- Sau khi thực hiện mô hình chính quyết địa phương 2 cấp, các quy định trong Nghị quyết số 12/2019/NQ-HĐND ngày 10/7/2019 và Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 15/3/2023 của HĐND tỉnh đã không còn phù hợp (do bỏ cấp huyện).</p> <p>- Đồng thời, việc sáp nhập 2 tỉnh đã làm thay đổi khoảng cách địa lý giữa các xã, phường nên mức chi hỗ trợ tại 02 Nghị quyết nêu trên không còn phù hợp với mặt bằng thực tế nữa.</p> <p>- Do vậy, việc xây dựng Nghị quyết để điều chỉnh chính sách hỗ trợ CBCCVC luân chuyển, điều động là cần thiết để tạo động lực, ổn định đời sống, và khuyến khích cán bộ an tâm công tác tại địa bàn mới; giúp giải quyết khó khăn về nhà ở, đi lại đối với đội ngũ CBCCVC được luân chuyển, điều động, đặc biệt trong bối cảnh sắp xếp tinh gọn bộ máy và bổ sung nhân sự cho cơ sở</p>	<p>- Phạm vi điều chỉnh: quy định chính sách hỗ trợ đối với CBCCVC được luân chuyển, điều động từ cấp tỉnh đến cấp xã, từ cấp xã đến cấp tỉnh và ngang cấp ở cấp xã (có thay đổi nơi làm việc giữa các xã, phường, đặc khu) theo kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.</p> <p>- Đối tượng áp dụng:</p> <p>+ CBCCVC giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh quản lý được Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh luân chuyển, điều động;</p> <p>+ CBCCVC giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý ở các cơ quan, địa</p>	Sở Nội vụ	Sở Tài chính; Sở Xây dựng	Kỳ họp HĐND tỉnh tháng 5/2026	Theo trình tự thủ tục rút gọn
---	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-----------	------------------------------	-------------------------------	-------------------------------

			<p>phương được cấp có thẩm quyền quyết định luân chuyển, điều động;</p> <p>+ CCVC không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý ở các cơ quan, địa phương được cấp có thẩm quyền quyết định luân chuyển, điều động;</p> <p>+ Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện chính sách hỗ trợ đối với CBCCVC được luân chuyển, điều động</p>				
--	--	--	---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--	--	--	--

9	<p>Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định mức phụ cấp, mức hỗ trợ, việc kiêm nhiệm chức danh, phụ cấp kiêm nhiệm đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố, người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố và mức khoán kinh phí hoạt động của tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã trên địa bàn tỉnh (<i>xử lý Nghị quyết số 30/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi và Nghị quyết số 79/2023/NQ-HĐND ngày 10/12/2023 của HĐND tỉnh Kon Tum</i>)</p>	<p>Ngày 06/10/2025, Bộ Tư pháp ban hành văn bản số 6243/BTP-KTVB&QLXLVPHC về việc xử lý văn bản chịu sự tác động của việc sắp xếp tổ chức bộ máy trong đó yêu cầu các địa phương hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật chịu sự tác động của việc sắp xếp tổ chức bộ máy trước ngày 01/6/2026.</p> <p>Căn cứ Nghị định số 33/2023/NĐ-CP của Chính phủ; HĐND tỉnh Quảng Ngãi (cũ) đã ban hành Nghị quyết số 30/2023/NQ-HĐND và HĐND tỉnh Kon Tum (cũ) ban hành Nghị quyết số 79/2023/NQ-HĐND quy định chức danh, mức phụ cấp, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố. Tuy nhiên, kể từ ngày 01/7/2025, khi thực hiện hợp nhất tỉnh Kon Tum và tỉnh Quảng Ngãi, việc tồn tại đồng thời hai nghị quyết không còn phù hợp, đòi hỏi phải ban hành một nghị quyết chung áp dụng thống nhất trên toàn địa bàn tỉnh mới.</p> <p>Mặt khác, theo Kết luận số 163-KL/TW của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, yêu cầu “nghiên</p>	<p>- Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định: mức phụ cấp, mức phụ cấp kiêm nhiệm đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố; mức phụ cấp đối với người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố; mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã</p> <p>- Đối tượng: Ủy ban nhân dân các cấp và các tổ chức, đoàn thể cấp xã; người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố; người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi</p>	Sở Nội vụ	Sở Tư pháp, Sở Tài chính, UBND cấp xã và các cơ quan, tổ chức có liên quan	Kỳ họp HĐND tỉnh tháng 5/2026	Theo trình tự thủ tục rút gọn
---	---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-----------	----------------------------------------------------------------------------	-------------------------------	-------------------------------

		<p>cứ lộ trình kéo dài việc sử dụng người không chuyên trách phù hợp với thời điểm sắp xếp lại thôn, tổ dân phố (trước ngày 31/5/2026)". Theo đó, đội ngũ người hoạt động không chuyên trách cấp xã sẽ kết thúc hoạt động trước ngày 31/5/2026. Do vậy, việc ban hành nghị quyết mới không chỉ nhằm bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật sau sắp xếp đơn vị hành chính, mà còn tạo cơ sở pháp lý để thực hiện chế độ, chính sách trong giai đoạn chuyển tiếp, bảo đảm quyền lợi chính đáng của người hoạt động không chuyên trách, đồng thời phù hợp với chủ trương tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước theo chỉ đạo của Trung ương và yêu cầu của Bộ Tư pháp</p>					
VI. LĨNH VỰC VĂN PHÒNG UBND TỈNH: 01 nghị quyết							
10	<p>Nghị quyết Quy định chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường, đặc khu trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (<i>xử lý Nghị quyết số</i></p>	<p>Thực hiện chủ trương tại các Kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về tổ chức xây dựng mô hình chính quyền địa phương 02 cấp (<i>cấp tỉnh, cấp xã</i>); khoản 11 Điều 1 Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh: "<i>Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số</i></p>	<p>1. Phạm vi điều chỉnh</p> <p>Quy định chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và</p>	<p>- Cơ quan trình: Ủy ban nhân dân tỉnh;</p> <p>- Cơ quan soạn thảo: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.</p>	<p>Các sở, ban ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu.</p>	<p>Dự kiến trình Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp tháng 5 năm 2026</p>	

	<p>35/2022/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)</p>	<p>của tỉnh Kon Tum và tỉnh Quảng Ngãi thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh Quảng Ngãi...”, tỉnh Quảng Ngãi (mới) chính thức đi vào hoạt động kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025. Theo đó, sau khi sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính các cấp, để đảm bảo cơ sở pháp lý, triển khai thực hiện thống nhất các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến thực hiện chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi¹ thì Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi (mới) đã thống nhất cho phép áp dụng Nghị quyết số 35/2022/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi (cũ) được tiếp tục thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (mới) sau hợp nhất (tại Nghị quyết số 36/HĐND ngày 12 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh).</p> <p>Trên cơ sở cho phép áp dụng thống nhất Nghị quyết số 35/2022/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2022 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (mới) đã mang lại kết quả tích cực trong</p>	<p>Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường, đặc khu (sau đây gọi chung là cấp xã) trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.</p> <p>2. Đối tượng áp dụng</p> <p>a) Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công chức, viên chức, người lao động thuộc quản lý của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh. - Cán bộ, công chức, viên chức, 				
--	-----------------------------------------------------------------------------------------	-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--	--	--	--

¹ được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi (cũ) ban hành Nghị quyết số 35/2022/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2022; đối với tỉnh Kon Tum (cũ) không ban hành chính sách này

		<p>việc hỗ trợ đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp, giúp tạo động lực cải cách hành chính, ổn định tổ chức và nhân sự sau sắp xếp bộ máy, củng cố hiệu quả hoạt động phục vụ người dân, tổ chức, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ làm việc trong cơ quan nhà nước. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện, một số văn bản quy phạm pháp luật là căn cứ pháp lý để dẫn chiếu xây dựng Nghị quyết số 35/2022/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh nay đã được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế nên không còn phù hợp. Đồng thời, thực hiện Kết luận số 137-KL/TW ngày 28 tháng 3 năm 2025 của Bộ Chính trị về Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp, trong đó có nội dung kết thúc hoạt động của đơn vị hành chính cấp huyện kể từ 01 tháng 7 năm 2025; theo đó, sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính, đội ngũ cán bộ, công chức ở cơ sở phải đối mặt với nhiều áp lực cả về tâm lý lẫn chuyên môn do thay đổi cơ cấu tổ chức, giảm đầu mối, tinh giản biên chế, địa bàn quản lý mở rộng, dân số tăng, số</p>	<p>người lao động thuộc các sở, ban, ngành tỉnh và cơ quan có liên quan (<i>kể cả các cơ quan Trung ương tổ chức theo hệ thống ngành dọc tại địa phương</i>) được cử đến làm việc chính thức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh theo quyết định của cấp có thẩm quyền.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công chức, viên chức, người lao động thuộc quản lý của Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã. - Công chức, viên chức thuộc các phòng chuyên môn, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã và cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của các cơ quan có liên quan (<i>kể</i> 				
--	--	-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--	--	--	--

		<p>lượng hồ sơ thủ tục hành chính nhiều hơn trong khi biên chế giảm, tạo áp lực lớn về tiến độ giải quyết công việc, nhất là ở Bộ phận Một cửa và các lĩnh vực nhạy cảm như đất đai, xây dựng, chính sách an sinh...trong khi đó mức lương cơ sở của cán bộ, công chức, viên chức từ năm 2022 là 1.490.000 đồng đến năm 2025 là 2.340.000 đồng chưa theo kịp giá cả sinh hoạt và chi phí dịch vụ vẫn tiếp tục tăng. Vì vậy, đã có rất nhiều cơ quan, đơn vị, cử tri kiến nghị, đề xuất nên sớm xem xét trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 35/2022/NQ-HĐND nhằm bổ sung đối tượng hưởng, tăng mức hỗ trợ cho người làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp².</p> <p>Bên cạnh đó, nhằm đảm bảo hoàn thành việc xử lý các nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh theo yêu cầu của Bộ Tư pháp tại khoản 4 Công văn số 6243/BTP-TVB&QLXLVPHC ngày 06 tháng 10 năm 2025: “<i>Các địa phương hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế, ban hành mới các văn</i></p>	<p><i>cả các cơ quan Trung ương tổ chức theo hệ thống ngành dọc tại địa phương)</i> được cử đến làm việc chính thức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã theo quyết định của cấp có thẩm quyền.</p> <p>b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.</p> <p>3. Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, bán chuyên trách</p>				
--	--	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--	--	--	--

² Công văn số 1006/UBND -VHXH ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân phường Nghĩa Lộ; Báo cáo số 85/BC-UBND ngày 03 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Tây Trà; kiến nghị của Cử tri xã Long Phụng (ý kiến 3 mục II Phụ lục kèm theo Công văn số 67/UBND-KTTH ngày 06 tháng 01 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh).

		<p><i>bản của địa phương chịu sự tác động của việc sắp xếp tổ chức bộ máy trước ngày 01 tháng 6 năm 2026</i>" và chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Công văn số 244-CV/TU ngày 31 tháng 12 năm 2025 về triển khai thực hiện Kết luận số 226-KL/TW của Ban Bí thư về chấn chỉnh lề lối làm việc, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị thì việc khẩn trương xây dựng Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính tỉnh và Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường, đặc khu trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi thay thế Nghị quyết số 35/2022/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh là cần thiết và phù hợp với quy định của pháp luật.</p>	<p>hoặc được bố trí dự phòng; người lao động thuộc doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính để thực hiện công việc hỗ trợ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã không được hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết này.</p>				
VII. LĨNH VỰC TÀI CHÍNH: 03 nghị quyết							
11	<p>Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định nội dung và mức chi cho hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, xã trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (<i>xử lý Nghị</i></p>	<p>Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đang áp dụng Nghị quyết số 33/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi (cũ) Quy định nội dung và mức chi cho hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ</p>	<p>1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định nội dung và mức chi đối với hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ</p>	Sở Tài chính	<p>Các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi</p>	<p>Kỳ họp HĐND tỉnh tháng 5/2026</p>	<p>Công văn số 1322/STC-VP ngày 02/3/2026</p>

	<i>quyết số 33/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi)</i>	chức chính trị - xã hội. Vì vậy cần ban hành Nghị quyết mới để thống nhất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp xã 2. Đối tượng áp dụng: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp xã				
12	Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định nội dung và mức chi của các cuộc điều tra thống kê do ngân sách địa phương bảo đảm (xử lý Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND ngày 05/4/2024 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi và Nghị quyết số 19/2018/NQ-HĐND ngày 19/07/2018 của HĐND tỉnh Kon Tum)	- Hiện nay, nội dung và mức chi của các cuộc điều tra thống kê do ngân sách địa phương bảo đảm trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đang áp dụng theo quy định tại các Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND ngày 05/4/2024 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi, số 19/2018/NQ-HĐND ngày 19/07/2018 của HĐND tỉnh Kon Tum theo địa giới của đơn vị hành chính trước khi sắp xếp. - Tại Điều 4 Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định: “ <i>Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương và khả năng cân đối ngân sách địa phương, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình HĐND cùng cấp quyết định nội dung, mức chi cụ thể cho phù hợp nhưng tối đa</i>	1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định nội dung và mức chi của các cuộc điều tra thống kê do ngân sách địa phương bảo đảm (cuộc điều tra thống kê do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định). 2. Đối tượng áp dụng: Các cá nhân, cơ quan, đơn vị liên quan đến cuộc điều tra thống kê do ngân sách địa phương bảo đảm	Sở Tài chính	Các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	Kỳ họp HĐND tỉnh tháng 5/2026	Công văn số 1322/STC-VP ngày 02/3/2026

		<p><i>không vượt quá mức tối đa quy định tại Điều 3 Thông tư này”</i></p> <p>- Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh</p> <p>- Thực hiện Quyết định số 1810/QĐ-UBND ngày 11/12/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Kế hoạch xử lý các văn bản quy phạm pháp luật do HĐND tỉnh, UBND tỉnh Quảng Ngãi (cũ) và HĐND tỉnh, UBND tỉnh Kon Tum (cũ) ban hành, theo đó thủ trưởng các Sở, ban, ngành có trách nhiệm “...<i>tổ chức tham mưu xử lý các văn bản quy phạm pháp luật theo đúng tiến độ, lộ trình đã đề ra, đảm bảo đến ngày 01 tháng 6 năm 2026 hoàn thành việc ban hành mới để áp dụng thống nhất trên địa bàn tỉnh</i>” (02 Nghị quyết nêu trên thuộc số thứ tự 505,506 của Phụ lục kèm theo Quyết định).</p> <p>- Căn cứ quy định nêu trên, Sở Tài chính kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh cho chủ trương xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung và mức chi của các cuộc điều tra thống</p>					
--	--	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--	--	--	--	--

		kê do ngân sách địa phương bảo đảm là cần thiết, đúng quy định					
13	Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định mức chi tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của nông dân trên địa bàn tỉnh (xử lý Nghị quyết số 17/2018/NQ-HĐND ngày 19/07/2018 của HĐND tỉnh Kon Tum và Khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 48/2018/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 của HĐND tỉnh Kon Tum)	Nghị quyết số 17/2018/NQ-HĐND ngày 19/07/2018 của HĐND tỉnh Kon Tum Quy định mức chi tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của nông dân trên địa bàn tỉnh Kon Tum và Khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 48/2018/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 của HĐND tỉnh Kon Tum bãi bỏ nghị quyết và sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong các nghị quyết do HĐND tỉnh Kon Tum ban hành (sửa đổi, bổ sung điểm 8 khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 17/2018/NQ-HĐND ngày 19/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum) được xây dựng trên cơ sở Thông tư số 151/2015/TT-BTC ngày 02/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí đảm bảo thực hiện Quyết định số 81/2014/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ. Tỉnh Quảng Ngãi (cũ) chưa ban hành Nghị quyết liên quan mức chi này. Vì vậy, việc xây dựng Nghị quyết HĐND tỉnh Quy định mức chi tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của nông dân trên địa bàn tỉnh	1. Phạm vi điều chỉnh a) Nghị quyết này quy định mức chi tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của nông dân trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi b) Các nội dung khác không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo Thông tư số 151/2015/TT-BTC ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí đảm bảo thực hiện Quyết định số 81/2014/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Thủ	Sở Tài chính	Các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	Kỳ họp HĐND tỉnh tháng 5/2026	Công văn số 1322/STC-VP ngày 02/3/2026

		Quảng Ngãi để thay thế các Nghị quyết nêu trên và áp dụng trên toàn địa bàn tỉnh Quảng Ngãi là cần thiết	<p>tướng Chính phủ.</p> <p>2. Đối tượng áp dụng</p> <p>- Ủy ban nhân dân các cấp, các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân các cấp được giao nhiệm vụ phối hợp với Hội Nông dân các cấp trong việc tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của nông dân quy định tại Quyết định số 81/2014/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ</p> <p>- Hội Nông dân các cấp</p>				
VIII. LĨNH VỰC TƯ PHÁP: 03 nghị quyết							
14	Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định nội dung chi, mức chi bảo đảm cho công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (<i>xử lý Nghị quyết số</i>	Thực hiện chủ trương tại các Kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về tổ chức xây dựng mô hình chính quyền địa phương 02 cấp (<i>cấp tỉnh, cấp xã</i>); khoản 11 Điều 1 Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về	1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định nội dung chi, mức chi bảo đảm cho công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi	UBND tỉnh (UBND tỉnh giao Sở Tư pháp chủ trì soạn thảo)	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; các Sở, ban, ngành và	Kỳ họp HĐND tỉnh tháng 05/2026	Trình tự, thủ tục rút gọn

	<p>16/2018/NQ-HĐND ngày 10/10/2018 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi)</p>	<p>việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh: “Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của tỉnh Kon Tum và tỉnh Quảng Ngãi thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh Quảng Ngãi...”. Tỉnh Quảng Ngãi (mới) chính thức đi vào hoạt động kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025. Theo đó, sau khi sắp xếp đơn vị hành chính các cấp, để triển khai thực hiện thống nhất văn bản quy phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các sở, ban, ngành tỉnh thực hiện rà soát và đề xuất hướng xử lý các Nghị quyết do Hội đồng nhân dân 02 tỉnh trước sắp xếp ban hành. Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh⁽³⁾, Sở Tư pháp đã thực hiện rà soát các văn bản quy phạm pháp luật của HĐND tỉnh Quảng Ngãi (cũ) và tỉnh Kon Tum (cũ) đã ban hành liên quan đến lĩnh vực tư pháp. Qua rà soát, các văn bản sau không còn phù hợp với quy định của pháp luật⁽⁴⁾, không còn phù hợp với việc tổ chức chính quyền</p>	<p>phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.</p> <p>2. Đối tượng áp dụng: Ủy ban nhân dân các cấp, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.</p>		<p>UBND cấp xã</p>		
--	------------------------------------------------------------------	-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--	--------------------	--	--

⁽³⁾ Công văn số 2633/UBND-NC ngày 08/5/2025 về việc rà soát và đề xuất xử lý các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến việc sắp xếp, tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp; Công văn số 2993/UBND-NC ngày 20/5/2025 về việc đôn đốc rà soát và đề xuất xử lý các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến việc sắp xếp, tổ chức chính quyền địa phương hai cấp; Thông báo số 382/TB-UBND ngày 26/6/2025 về kết luận của Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh Trần Hoàng Tuấn; Công văn số 880/UBND-NC ngày 31/7/2025 về việc khẩn trương tham mưu xử lý văn bản sau rà soát.

⁽⁴⁾ Kết quả rà soát và đề xuất hướng xử lý đã được Sở Tư pháp tổng hợp báo cáo UBND tỉnh tại Báo cáo số 136/BC-STP ngày 28/5/2025, Báo cáo số 08/BC-STP ngày 11/7/2025, Công văn số 349/STP-KTVB&QLXLVPHC ngày 15/8/2025; đồng thời, trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch xử lý các văn bản quy phạm pháp luật do HĐND tỉnh, UBND tỉnh Quảng Ngãi (cũ) và HĐND tỉnh, UBND tỉnh Kon Tum (cũ) ban hành kèm theo Quyết định số 1810/QĐ-UBND ngày 11/12/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành (được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 511/QĐ-UBND ngày 12/02/2026).

	<p>địa phương 02 cấp cần phải ban hành văn bản mới để thay thế: Nghị quyết số 16/2018/NQ-HĐND, được áp dụng tại số thứ tự 19, mục X Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 24 tháng 10 năm 2025 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi về áp dụng các nghị quyết quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.</p> <p>Căn cứ trách nhiệm được giao tại khoản 3 Điều 6 Thông tư số 19/2017/TT-BTC ngày 28/02/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước cho công tác quản lý Nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính⁽⁵⁾ thì việc tham mưu cho UBND tỉnh trình Thường trực HĐND tỉnh chấp thuận đăng ký xây dựng Nghị quyết quy định nội dung chi, mức chi bảo đảm cho công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi <i>(thay thế Nghị quyết số 16/2018/NQ-HĐND, được áp dụng tại số thứ tự 19, mục X Phụ lục kèm theo Nghị</i></p>					
--	-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--	--	--	--	--

⁽⁵⁾ “Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương và khả năng cân đối ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương **trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định nội dung, mức chi cụ thể cho phù hợp nhưng tối đa không vượt quá mức tối đa quy định tại Điều 4 Thông tư này.** Trường hợp cần thiết do yêu cầu công việc, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định mức chi cao hơn nhưng không vượt quá 20% mức chi quy định tại Điều 4 Thông tư này”.

		quyết số 31/NQ-HĐND ngày 24 tháng 10 năm 2025 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi về áp dụng các nghị quyết quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi) là có cơ sở pháp lý.					
15	Nghị quyết quy định mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (xử lý Nghị quyết số 14/2023/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi và Nghị quyết số 27/2023/NQ-HĐND ngày 11/7/2023 của HĐND tỉnh Kon Tum)	Thực hiện chủ trương tại các Kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về tổ chức xây dựng mô hình chính quyền địa phương 02 cấp (cấp tỉnh, cấp xã); khoản 11 Điều 1 Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh: “Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của tỉnh Kon Tum và tỉnh Quảng Ngãi thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh Quảng Ngãi...”. Tỉnh Quảng Ngãi (mới) chính thức đi vào hoạt động kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025. Theo đó, sau khi sắp xếp đơn vị hành chính các cấp, để triển khai thực hiện thống nhất văn bản quy phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các sở, ban, ngành tỉnh thực hiện rà soát và đề xuất hướng xử lý các Nghị quyết do Hội đồng nhân dân 02 tỉnh trước sắp xếp ban hành. Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch	1. Phạm vi điều chỉnh: - Nghị quyết này quy định mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. b) Các nội dung khác liên quan đến công tác kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2023/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài	UBND tỉnh (UBND tỉnh giao Sở Tư pháp chủ trì soạn thảo)	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; các Sở, ban, ngành và UBND cấp xã	Kỳ họp HĐND tỉnh tháng 05/2026	Trình tự, thủ tục rút gọn

		<p>UBND tỉnh⁽⁶⁾, Sở Tư pháp đã thực hiện rà soát các văn bản quy phạm pháp luật của HĐND tỉnh Quảng Ngãi (cũ) và tỉnh Kon Tum (cũ) đã ban hành liên quan đến lĩnh vực tư pháp. Qua rà soát, các văn bản sau không còn phù hợp với quy định của pháp luật⁽⁷⁾, không còn phù hợp với việc tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp cần phải ban hành văn bản mới để thay thế: Nghị quyết số 14/2023/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi, Nghị quyết số 27/2023/NQ-HĐND ngày 11/7/2023 của HĐND tỉnh Kon Tum.</p> <p>Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15, Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm,</p>	<p>chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật.</p> <p>2. Đối tượng áp dụng</p> <p>Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, người có chức năng, nhiệm vụ giúp cơ quan, người có thẩm quyền kiểm tra văn bản và giúp cơ quan, người có trách nhiệm thực hiện rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Nghị</p>				
--	--	----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--	--	--	--

⁽⁶⁾ Công văn số 2633/UBND-NC ngày 08/5/2025 về việc rà soát và đề xuất xử lý các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến việc sắp xếp, tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp; Công văn số 2993/UBND-NC ngày 20/5/2025 về việc đôn đốc rà soát và đề xuất xử lý các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến việc sắp xếp, tổ chức chính quyền địa phương hai cấp; Thông báo số 382/TB-UBND ngày 26/6/2025 về kết luận của Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh Trần Hoàng Tuấn; Công văn số 880/UBND-NC ngày 31/7/2025 về việc khẩn trương tham mưu xử lý văn bản sau rà soát.

⁽⁷⁾ Kết quả rà soát và đề xuất hướng xử lý đã được Sở Tư pháp tổng hợp báo cáo UBND tỉnh tại Báo cáo số 136/BC-STP ngày 28/5/2025, Báo cáo số 08/BC-STP ngày 11/7/2025, Công văn số 349/STP-KTVB&QLXLPHC ngày 15/8/2025; đồng thời, trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch xử lý các văn bản quy phạm pháp luật do HĐND tỉnh, UBND tỉnh Quảng Ngãi (cũ) và HĐND tỉnh, UBND tỉnh Kon Tum (cũ) ban hành kèm theo Quyết định số 1810/QĐ-UBND ngày 11/12/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành (được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 511/QĐ-UBND ngày 12/02/2026).

		<p>Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025; đồng thời, trên cơ sở trách nhiệm được giao tại khoản 3 Điều 7 Thông tư số 09/2023/TT-BTC ngày 08/02/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật⁽⁸⁾ thì việc tham mưu cho UBND tỉnh trình Thường trực HĐND tỉnh chấp thuận đăng ký xây dựng đối với Nghị quyết quy định mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (<i>thay thế Nghị quyết số 14/2023/NQ-HĐND và Nghị quyết số 27/2023/NQ-HĐND</i>) là có cơ sở pháp lý.</p>	<p>định số 79/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.</p>				
16	<p>Nghị quyết quy định tổng mức chi trong xây dựng quyết định quy phạm pháp luật của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (<i>xử lý Nghị quyết số 31/2022/NQ-HĐND ngày</i></p>	<p>- Để nâng cao chất lượng công tác xây dựng, thi hành pháp luật trong kỷ nguyên mới, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30 tháng 4 năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.</p>	<p>- Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết quy định tổng mức chi trong xây dựng quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;</p>	<p>UBND tỉnh (UBND tỉnh giao Sở Tư pháp chủ trì soạn thảo)</p>	<p>Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; các Sở, ban, ngành và UBND cấp xã</p>	<p>Kỳ họp HĐND tỉnh tháng 05/2026</p>	<p>Trình tự, thủ tục rút gọn</p>

⁽⁸⁾ “Căn cứ vào khả năng ngân sách, tình hình thực tế địa phương và tính chất mỗi hoạt động kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình **Hội đồng nhân dân cùng cấp quy định cụ thể mức chi đảm bảo cho công tác kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản tại địa phương**; trường hợp các địa phương chưa ban hành văn bản quy định cụ thể mức chi thì các cơ quan, đơn vị được áp dụng quy định tại Thông tư này để thực hiện”.

	<p>07/12/2022 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi)</p>	<p>Trong đó đã xác định nhiệm vụ tại mục 7 về thực hiện cơ chế tài chính đặc biệt cho công tác xây dựng và thi hành pháp luật: “<i>Bảo đảm chi cho công tác xây dựng pháp luật không thấp hơn 0,5% tổng chi ngân sách hằng năm và tăng dần theo yêu cầu phát triển...</i>”.</p> <p>- Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 quy định về việc thực hiện khoán chi theo từng nhiệm vụ hoặc theo từng hoạt động cho công tác xây dựng pháp luật, giao quyền chủ động cho người đứng đầu cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ, hoạt động được quyết định nội dung chi, thay đổi nội dung chi theo nguyên tắc quy định tại Nghị quyết này và chịu trách nhiệm trong việc sử dụng ngân sách được giao. Về mức chi, Nghị quyết số 197/2025/QH15 đã nâng mức chi cho xây dựng Nghị quyết của HĐND cấp tỉnh lên 250 triệu đồng, Quyết định của UBND cấp tỉnh lên 100 triệu đồng. Nghị quyết giao Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết.</p> <p>- Ngày 06/11/2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 289/2025/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Nghị quyết 197/2025/QH15, trong đó tại</p>	<p>- Đối tượng áp dụng:</p> <p>+ Các cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ hoặc tham gia xây dựng Quyết định quy phạm pháp luật của Chủ tịch UBND tỉnh.</p> <p>+ Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.</p>				
--	---------------------------------------------	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--	--	--	--

		<p>khoản 2 Điều 5 có quy định: “Tổng mức chi trong xây dựng quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã, quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã do Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định dựa trên khả năng cân đối ngân sách, thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật, tình hình thực tế và trên cơ sở tham chiếu mức chi sau đây: a) Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là 30.000.000 đồng/01 văn bản;... ”.</p> <p>Đồng thời, khoản 2 Điều 3 quy định: “2. Danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động đối với xây dựng văn bản quy phạm pháp luật là... nghị quyết của Hội đồng nhân dân các cấp; quyết định của Ủy ban nhân dân các cấp, quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh do người đứng đầu cơ quan thực hiện nhiệm vụ, hoạt động chủ động quyết định hoặc ban hành quy định, quy chế để áp dụng nội bộ trong phạm vi tổng mức chi quy định tại Phụ lục II kèm theo Nghị quyết số 197/2025/QH15 hoặc quy định tại Điều 5 của Nghị định này.”.</p>					
--	--	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--	--	--	--	--

		<p>Như vậy, quy định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi ban hành tại Nghị quyết số 31/2022/NQ-HĐND ngày 07/12/2022 không còn phù hợp với quy định pháp luật. Do vậy, Sở Tư pháp tham mưu UBND tỉnh trình Thường trực HĐND tỉnh đăng ký xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định tổng mức chi trong xây dựng quyết định quy phạm pháp luật của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi để xử lý đối với Nghị quyết số 31/2022/NQ-HĐND ngày 07/12/2022 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi (được áp dụng tại STT 21 Phụ lục Danh mục kèm theo Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 24/10/2025 của HĐND tỉnh) là cần thiết, phù hợp với quy định pháp luật.</p>					
--	--	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--	--	--	--	--

Tổng số: 16 nghị quyết